BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /2018/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018*

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 7221
Ngày: 25/12/18
Chuyển: P.KT2

THÔNG TƯ

Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng và Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và phương pháp định giá dịch vụ hỏa táng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư này làm cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Khuyến khích việc lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước áp dụng các quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc định giá, điều chỉnh giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng

1. Việc định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng phải phù hợp với quy trình thực hiện dịch vụ; tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường; tiêu chuẩn kỹ

thuật xây dựng; định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố; chất lượng dịch vụ; chế độ, chính sách của Nhà nước; điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục, tập quán của từng địa phương.

2. Giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ toàn bộ các chi phí hợp lý, hợp lệ của quá trình thực hiện dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng với mức lợi nhuận hợp lý, phù hợp với mặt bằng giá thị trường.

3. Giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng phải đảm bảo khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ và phù hợp với khả năng chi trả của người sử dụng dịch vụ.

4. Giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hoả táng có thể được xác định riêng cho từng loại dịch vụ, cho một số loại dịch vụ hoặc cho toàn bộ các dịch vụ tuỳ theo nhu cầu sử dụng dịch vụ và điều kiện tổ chức cung cấp dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng.

5. Giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hoả táng xác định theo hướng dẫn tại Thông tư này được phê duyệt là cơ sở để ký kết hợp đồng, thanh toán, quyết toán hợp đồng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng.

6. Giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng xác định theo hướng dẫn tại Thông tư này được điều chỉnh khi các yếu tố cấu thành giá dịch vụ có sự thay đổi.

Điều 4. Phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng

1. Dịch vụ nghĩa trang bao gồm tổ chức tang lễ, mai táng; xây mộ, cải táng, chăm sóc mộ, tu sửa mộ; bảo quản, lưu giữ tro cốt và dịch vụ phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm.

2. Dịch vụ hỏa táng bao gồm dịch vụ tổ chức tang lễ, hỏa táng thi hài hoặc hài cốt và bảo quản, lưu giữ tro cốt.

3. Giá dịch vụ mai táng, xây mộ và cải táng: xác định trên cơ sở kích thước phần mộ cá nhân, khối lượng công việc phải thực hiện, yêu cầu kỹ thuật, chất lượng vật liệu và các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật để hoàn thành dịch vụ mai táng, xây mộ và cải táng. Chi phí thực hiện các dịch vụ này xác định theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và mặt bằng giá tại địa phương nơi xây dựng nghĩa trang.

4. Giá dịch vụ hoả táng thi hài hoặc hài cốt được xác định theo công thức sau:

$$G_{HT} = Z_{TB} + (Z_{TB} \times P) \qquad (1)$$

Trong đó:

- G_{HT}: là giá dịch vụ hỏa táng 01 thi hài hoặc hài cốt. Đơn vị: đồng.

- Z_{TB}: là giá thành toàn bộ để hỏa táng 01 thi hài hoặc hài cốt. Đơn vị: đồng.

- P là tỷ suất lợi nhuận dự kiến (%): không quá 5%.

Giá thành toàn bộ để hỏa táng 01 thi hài hoặc hài cốt (Z_{TB}): được xác định theo công thức sau:

$$Z_{TB} = \frac{C_T}{Q} \qquad (2)$$

Trong đó:

- Z_{TB}: là giá thành toàn bộ hỏa táng 01 thi hài hoặc hài cốt. Đơn vị: đồng.

- C_T: là tổng chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện hỏa táng. Đơn vị: đồng.

- Q: là số lượng thi hài hoặc hài cốt đưa vào hỏa táng.

Tổng chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện hỏa táng (C_T): được xác định theo bảng tổng hợp sau:

TT	*Nội dung chi phí*	*Ký hiệu*
1	Chi phí vật tư trực tiếp	C_{VT}
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C_{NC}
3	Chi phí máy, thiết bị trực tiếp	C_M
4	Chi phí sản xuất chung	$C_{SXC} \leq 18\% (C_{VT} + C_{NC} + C_M)$
	Tổng chi phí sản xuất	$C_p = C_{VT} + C_{NC} + C_M + C_{SXC}$
5	Chi phí quản lý cơ sở hỏa táng	$C_q \leq 5\% \times C_p$
	Tổng chi phí	$C_T = C_p + C_q$

a) Chi phí vật tư trực tiếp (C_{VT}), bao gồm chi phí của các vật tư sử dụng trực tiếp trong quá trình hỏa táng, được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng. Trong đó:

Khối lượng của từng loại vật tư được xác định trên cơ sở định mức hao phí vật tư trực tiếp cho dịch vụ hỏa táng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố. Trường hợp chưa có định mức hao phí vật tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố, đơn vị lập phương án giá tổ chức xác định định mức hao phí vật tư hợp lý làm cơ sở để xác định chi phí vật tư khi lập phương án giá dịch vụ hỏa táng.

Giá vật tư (bao gồm thuế giá trị gia tăng) là giá đến cơ sở hỏa táng, phù hợp với mặt bằng giá thị trường, được xác định theo công bố giá hoặc giá ghi

trên hóa đơn theo quy định pháp luật tại thời điểm lập phương án giá, cộng (+) với chi phí lưu thông hợp lý đến cơ sở hỏa táng (nếu có).

b) Chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}), bao gồm: các khoản chi phí tính bằng tiền mà các cơ sở hỏa táng phải trả cho người lao động trực tiếp như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo qui định đối với công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ hỏa táng. Trong đó:

Chi phí tiền lương, tiền công được xác định trên cơ sở số lượng ngày công theo định mức hao phí nhân công trực tiếp thực hiện dịch vụ hỏa táng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng. Đơn giá ngày công của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ hỏa táng xác định theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Trường hợp chưa có định mức hao phí nhân công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố, đơn vị lập phương án giá tổ chức xác định hao phí nhân công hợp lý làm cơ sở để xác định chi phí nhân công trực tiếp khi lập phương án giá dịch vụ hỏa táng.

Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ hỏa táng theo quy định hiện hành của pháp luật (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả).

c) Chi phí máy, thiết bị trực tiếp (C_M): xác định trên cơ sở số lượng ca máy, thiết bị trực tiếp theo định mức hao phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố nhân (x) với đơn giá ca máy tương ứng. Đơn giá ca máy, thiết bị trực tiếp thực hiện dịch vụ hỏa táng xác định trên cơ sở vận dụng phương pháp theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng đối với giá ca máy, thiết bị thi công xây dựng công trình, phù hợp với điều kiện làm việc của máy, thiết bị thực hiện dịch vụ này. Trường hợp chưa có định mức hao phí máy, thiết bị do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố, đơn vị lập phương án giá tổ chức xác định định mức hao phí máy, thiết bị làm cơ sở để xác định chi phí máy, thiết bị trực tiếp khi lập phương án giá dịch vụ hỏa táng.

d) Chi phí sản xuất chung (C_{sxc}), bao gồm các khoản chi phí sản xuất gián tiếp (ngoài các chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí máy, thiết bị trực tiếp) phát sinh tại cơ sở hỏa táng, gồm: khấu hao, sửa chữa tài sản cố định (trừ máy, thiết bị trực tiếp); chi phí vật liệu, dụng cụ, công cụ dùng cho bộ phận, tổ, đội sản xuất; tiền lương, phụ cấp có tính chất lương; khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của cán bộ, nhân viên bộ phận, tổ, đội sản xuất (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi

trả); chi phí kiểm định, quan trắc môi trường; chi phí thuê mặt bằng phục vụ sản xuất (nếu có); chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác được tính vào giá thành theo quy định của pháp luật.

Chi phí vật tư, chi phí nhân công trong chi phí sản xuất chung xác định như cách xác định chi phí vật tư, nhân công trực tiếp tại điểm a, b khoản 4 Điều này.

Chi phí khấu hao, sửa chữa tài sản cố định trong chi phí sản xuất chung xác định theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Chi phí sản xuất chung (C_{sxc}) xác định chi tiết theo từng khoản mục chi phí nêu trên nhưng không vượt quá 18% của chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí máy, thiết bị trực tiếp).

đ) Chi phí quản lý cơ sở hỏa táng (C_q), bao gồm toàn bộ các khoản chi phí chi cho bộ máy quản lý và điều hành cơ sở hỏa táng, các khoản chi phí có tính chất chung của toàn cơ sở hỏa táng như: khấu hao, sửa chữa tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý và điều hành cơ sở hỏa táng; chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của bộ máy quản lý (bao gồm cả khoản do doanh nghiệp chi trả); chi phí vật liệu, đồ dùng cho văn phòng, các khoản thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc văn phòng; các chi phí chung khác cho toàn cơ sở hỏa táng theo qui định.

Chi phí vật tư, chi phí nhân công trong chi phí quản lý cơ sở hỏa táng xác định như cách xác định chi phí vật tư, nhân công trực tiếp tại điểm a, b khoản 4 Điều này.

Chi phí khấu hao, sửa chữa tài sản cố định trong chi phí quản lý cơ sở hỏa táng xác định theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Chi phí quản lý cơ sở hỏa táng xác định chi tiết theo từng khoản chi phí nêu trên nhưng không vượt quá 5% của tổng chi phí sản xuất (C_p).

5. Giá dịch vụ tổ chức tang lễ; chăm sóc mộ, tu sửa mộ; bảo quản, lưu trữ tro cốt và dịch vụ phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm: xác định theo mặt bằng giá dịch vụ đã hình thành trên thị trường hoặc giá dịch vụ thỏa thuận giữa nhà cung cấp dịch vụ với người sử dụng dịch vụ tùy theo yêu cầu và chất lượng cung cấp của dịch vụ, thời gian sử dụng dịch vụ phù hợp với chế độ chính sách của Nhà nước, đặc điểm kinh tế -xã hội của địa phương.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Nghị định 23/2016/NĐ-CP

ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

2. Việc điều chỉnh giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng do UBND cấp tỉnh quyết định và phải phù hợp với nguyên tắc quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Thông tư này.

3. UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương để quy định mức hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí các dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa bàn theo quy định.

4. Cơ quan lập phương án giá, chủ đầu tư nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có năng lực để lập hoặc thẩm tra phương án giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng làm cơ sở để thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng.

5. Đối với các hợp đồng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng đã được ký kết trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này, thì thực hiện theo nội dung đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp cần thực hiện theo các quy định tại Thông tư này thì Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

6. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 / 3 /2019./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đình Toàn

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KT-QH TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh;
- Công báo; Website của Chính phủ, Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VP, Vụ PC, Cục KTXD, Cục HTKT, Viện KTXD (H.250).